MỤC LỤC

[MỤC LỤC i](#_Toc109052221)

[DANH MỤC VIẾT TẮT iii](#_Toc109052222)

[DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU iv](#_Toc109052223)

[DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ iv](#_Toc109052224)

[CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 5](#_Toc109052225)

[1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 5](#_Toc109052226)

[2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 5](#_Toc109052227)

[3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 5](#_Toc109052228)

[4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 8](#_Toc109052229)

[4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư 8](#_Toc109052230)

[4.2. Nhu cầu sử dụng điện 9](#_Toc109052231)

[4.3. Nhu cầu sử dụng nước 10](#_Toc109052232)

[CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 14](#_Toc109052234)

[1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG. 14](#_Toc109052235)

[2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 14](#_Toc109052236)

[CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 17](#_Toc109052239)

[1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 17](#_Toc109052240)

[2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI 24](#_Toc109052241)

[2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi 24](#_Toc109052242)

[2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác 24](#_Toc109052243)

[3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG 25](#_Toc109052244)

[4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI 26](#_Toc109052245)

[5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG. 27](#_Toc109052246)

[6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH. 28](#_Toc109052247)

[6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải 28](#_Toc109052248)

[6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 29](#_Toc109052249)

[6.3. Phòng ngừa dịch bệnh 29](#_Toc109052250)

[7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: (Không có) 32](#_Toc109052251)

[8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI 32](#_Toc109052252)

[9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC. 32](#_Toc109052253)

[10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG. 32](#_Toc109052254)

[CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG 33](#_Toc109052255)

[1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 33](#_Toc109052256)

[2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 33](#_Toc109052257)

[3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 34](#_Toc109052258)

[4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI 34](#_Toc109052261)

[5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT: (Không có) 34](#_Toc109052262)

[CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 35](#_Toc109052263)

[1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN 35](#_Toc109052264)

[1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 35](#_Toc109052265)

[1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: 35](#_Toc109052266)

[1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch. 36](#_Toc109052267)

[2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT. 36](#_Toc109052268)

[2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: 36](#_Toc109052269)

[2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có 37](#_Toc109052271)

[2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án. 37](#_Toc109052272)

[3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM. 37](#_Toc109052278)

[CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 38](#_Toc109052279)

DANH MỤC VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| * BTNMT | : Bộ Tài nguyên Môi trường |
| * UBND | : Ủy ban nhân dân |
| * BVMT * QCVN * TCVN | : Bảo vệ môi trường  : Quy chuẩn Việt Nam  : Tiêu chuẩn Việt Nam |
| * QCVN | : Quy chuẩn Việt Nam |
| * TCVN | : Tiêu chuẩn Việt Nam |
| * CTNH | : Chất thải nguy hại |
| * CTR | : Chất thải rắn |
| * HĐTLĐ | : Hợp đồng - Thuê lại đất |
| * KCN | : Khu công nghiệp |
| * MTV | : Một thành viên |
| * PCCC | : Phòng cháy chữa cháy |
| * PET | : Polyetylen terephtalat |
| * PVC | : Polyvinyl Clorua |
| * QCVN | : Quy chuẩn Việt Nam |
| * TCXDVN | : Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam |
| * TMDV | : Thương mại dịch vụ |
| * BTCT | : Bê tông cốt thép |
| * HTXLNT | : Hệ thống xử lý nước thải |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

[Bảng 1.1. Lịch tiêm phòng cho heo con và heo thịt 7](#_Toc109052280)

[Bảng 1.2: Nhu cầu thuốc thú y, vaccine 8](#_Toc109052281)

[Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng hóa chất 9](#_Toc109052282)

[Bảng 1.4: Nhu cầu nước cấp cho heo 10](#_Toc109052283)

[Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình chăn nuôi 11](#_Toc109052284)

[Bảng 1.6: Hệ tọa tộ VN 2000 ranh giới dự án 11](#_Toc109052285)

[Bảng 1.7: Các hạng mục công trình 12](#_Toc109052286)

[Bảng 1.8. Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy 13](#_Toc109052287)

[Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn 33](#_Toc109052288)

[Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn 34](#_Toc109052289)

[Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn 34](#_Toc109052290)

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

[Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi heo thịt 6](#_Toc109052291)

[Hình 1.2: Sơ đồ đi đến dự án 12](#_Toc109052292)

[Hình 3.1: Quy trình hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày.đêm 19](#_Toc109052293)

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THÚY OANH

- Địa chỉ văn phòng: ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Bà. Nguyễn Thúy Oanh

- Điện thoại: 0909.758.738 ; Fax: ; Email:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 45C8007800, đăng ký lần đầu ngày 11/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11/06/2019.

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

"TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 08/06/2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín tại xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của nhà đầu tư Nguyễn Thúy Oanh.

- Quyết định số 1762/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14/8/2020, về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi heo thịt mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thuộc chủ đầu tư Hộ chăn nuôi Nguyễn Thúy Oanh.

Quy mô của dự án đầu tư : Dự án thuộc nhóm C của Luật đầu tư công

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Chăn nuôi heo thịt công suất 8.200 con/lứa

**3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:**

Nhập trại

Chăm sóc

Chất thải rắn, nước thải, mùi hôi

Xuất trại

Khu cách ly

Heo nghi mắc bệnh, heo bệnh

Xử lý xác heo chết

Heo giống

Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi heo thịt

Thuyết minh quy trình:

Heo con: Heo con được chọn là con giống chất lượng cao (heo ngoại và heo lai nuôi thịt). Heo sau khi cai sữa, khỏe mạnh, có lịch tiêm phòng các bệnh kèm theo. Heo con sau cai sữa 14-20 ngày tuổi có trọng lượng từ khoảng 5kg trở lên do Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp, được Cơ quan thú y tỉnh Tây Ninh kiểm tra rồi ngăn thả vào trại nuôi.

Nuôi heo quy mô công nghiệp theo mô hình trại lạnh là mô hình chăn nuôi hoàn toàn khép kín được làm mát quanh năm và cách ly hoàn toàn với bên ngoài. Tuy thế dãy trại vẫn sạch sẽ và thoáng mát, xung quanh trại nuôi đều được bao bọc bằng tường gạch hoặc khung kèo, vĩ thép. Một đầu dãy trại được trang bị các quạt gió lớn hút khí, một đầu là hệ thống màng nước chảy từ trên cao xuống để đưa hơi nước vào dãy trại khi ẩm độ bên trong thay đổi. Giữa dãy trại nuôi có bộ phận cảm nhiệt để luôn giữ nhiệt độ bên trong dãy trại không dao động. Khi nhiệt độ trong trại hạ xuống thì bộ cảm nhiệt sẽ tự động điều khiển nước ngưng chảy, một số quạt tự ngắt điện ngưng hoạt động. Lúc nhiệt độ tăng lên, độ ẩm giảm, bộ cảm nhiệt sẽ tự động cho nước chảy, các quạt tăng cường hoạt động hút gió để giảm nhiệt độ xuống theo độ chuẩn đã quy định. Nhờ vậy mà khi trời nắng gắt, nhiệt độ cao nhưng trong trại vẫn mát. Với hệ thống tự động đó, nhiệt độ, độ ẩm trong trại hầu như không thay đổi, do đó sức khỏe của đàn heo luôn được đảm bảo tốt. Do hệ thống trại nuôi hoàn toàn khép kín, phân heo và nước rửa trại được chảy vào hệ thống hầm biogas để xử lý.

Chăm sóc, nuôi dưỡng: Chủ dự án chịu trách nhiệm chính trong chăm sóc, nuôi dưỡng heo và chi trả mọi chi phí: con giống, thức ăn, thuốc chữa bệnh, lương chuyên gia, bác sĩ thú y, lương công nhân,… Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam chỉ hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu đầu ra sản phẩm.

* *Công nghệ cung cấp thức ăn, nước uống tự động*

- Heo được cho ăn thức ăn khô là cám từ trại qua hệ thống silo tự động sẽ tiết kiệm thức ăn mà còn giảm khả năng thức ăn rơi vãi ra trại nuôi gây dơ bẩn và ô nhiễm.

- Nước uống cung cấp cho heo bằng vòi nước “thông minh”, khi heo muốn uống nước sẽ ngậm vào núm ống và nước tự động chảy ra.

* *Vệ sinh thú y*

- Tẩy giun sán cho heo khi 18-22kg

- Kết thúc nuôi 1 lứa heo cần vệ sinh trại nuôi bằng nước vôi pha loãng hoặc các chất sát trùng và để trống trại nuôi trong thời gian 1 tuần mới nuôi lứa khác.

- Trại chăn nuôi tiến hành phun thuốc khử trùng một tuần một lần xung quanh trại nuôi heo.

- Tất cả các phương tiện cũng như người ra vào khu vực trại chăn nuôi đều phải qua hệ thống khử trùng.

- Tất cả các dụng cụ, giày dép, quần áo,…sau khi đã sử dụng trong nhà nuôi heo phải cọ rửa, giặt sạch ngay và khử trùng kỹ để sử dụng cho lần sau.

- Trại chăn nuôi heo thịt mô hình trại lạnh hạn chế thấp nhất việc công nhân chăn nuôi và người ngoài tiếp xúc trực tiếp với heo. Chỉ có việc cần thiết như lấy xác heo chết,… thì công nhân mới được vào nhà nuôi heo.

Tiêm phòng đầy đủ các loại vacin theo quy định.

###### *Bảng 1.1. Lịch tiêm phòng cho heo con và heo thịt*

|  |  |
| --- | --- |
| Loại tiêm phòng | Thời gian tiêm (ngày tuổi) |
| Tiêm sắt lần 1 | 2-3 |
| Tiêm vacin phòng bệnh E.Coli |
| Tiêm sắt lần 2 | 10-13 |
| Tiêm vacin phòng bệnh suyễn heo lần 1 |
| Tiêm vacin phòng bệnh giả dại | 20-28 |
| Tiêm vacin heo tai xanh RPRS lần 1 |
| Tiêm vacin phòng bệnh suyễn heo lần 2 |
| Tiêm vacin phó thương hàn và tụ huyết trùng đóng dấu heo lần 1 |
| Tiêm vacin lở mồm long móng lần 1 | 28-40 |
| Tiêm vacin phó thương hàn và tụ huyết trùng đóng dấu heo lần 2 |
| Tiêm vacin dịch tả heo lần 1 | 35-38 |
| Tiêm vacin heo tai xanh RPRS lần 2 | 45 |
| Tiêm vacin lở mồm long móng lần 2 | 55-60 |
| Tiêm vacin dịch tả heo lần 2 | 60 |
| Tiêm vacin dịch tả heo lần 3 | 90-100 |

Tiêu chuẩn heo xuất trại: Heo thịt xuất trại đạt trọng lượng từ 80-100kg/con (4-5 tháng), trước khi xuất trại heo được kiểm tra dịch bệnh, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Heo thịt trọng lượng từ 80-100kg/con.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư

*a. Nhu cầu về con giống*

Heo con giống (heo ngoại hay lai F1, F2) có trọng lượng 5 kg trở lên, từ 14-20 ngày tuổi, chất lượng cao, khỏe mạnh, có lịch tiêm phòng các bệnh kèm theo.

Nhu cầu về con giống là 8200 con/lứa. Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam là đơn vị cung cấp hoàn toàn con giống đầu vào cho dự án.

*b. Nhu cầu về thức ăn*

Tỷ lệ chuyển đổi thức ăn FCR = Khối lượng (kg) thức ăn tiêu tốn/kg tăng trọng.

FCR có giá trị từ 1,3-1,6 theo ngày tuổi và trọng lượng heo thịt (Theo Garth Pig Stockmanship Standards, by Dr.John Carr, 1988)

Vậy định mức thức ăn với FCR = 2,9 (Tham khảo Quyết định số 67/2002/QĐ-BNN ngày 16/07/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thì số lượng thức ăn cung cấp khoảng 2,9 x 95 kg x 8200 con/lứa = 2.259 tấn/lứa tương đương 15 tấn/ngày do Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp.

*c. Nhu cầu thuốc thú y, vaccine*

Thuốc thú y và vaccine trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn đàn heo.

Nguyên tắc chung:

Thời gian từ lúc chích vaccin đến khi tạo miễn dịch cho heo là 3 tuần (tối thiểu 20 ngày), các loại vaccin chích cách nhau tối thiểu 1 tuần.

Số lượng và chủng loại một số vaccin tiêm ngừa cho đàn heo được trình bày trong bảng sau:

###### *Bảng 1.2: Nhu cầu thuốc thú y, vaccine*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủng loại | Tổng (liều/lứa) | Ghi chú |
| 1 | Vaccine FMD: phòng chống bệnh lở mồm long móng | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |
| 2 | Vaccine SFV: phòng chống dịch tả heo | 24.600 | Tiêm 3 lần/lứa |
| 3 | Vaccine AD: Phòng chống giả dại | 8.200 | Tiêm 1 lần/lứa |
| 4 | Vaccine Mycoplasma: truyền nhiễm – hô hấp | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |
| 5 | Vaccine PRRS: ngừa bệnh heo tai xanh | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |
| 6 | Vaccine phó thương hàn | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |
| 7 | Vaccine E.coli | 8.200 | Tiêm 1 lần/lứa |
| 8 | Vaccine tụ huyết trùng đóng dấu | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |
| 9 | Sắt | 16.400 | Tiêm 2 lần/lứa |

Toàn bộ lượng thuốc thú y, vaccin và chuyên viên kỹ thuật chăm sóc cho đàn heo được Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp và hỗ trợ.

- Nhu cầu hóa chất sát trùng: Dự án có sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh trại nuôi. Nhu cầu sử dụng các hóa chất của dự án được trình bày trong bảng sau:

###### *Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng hóa chất*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hóa chất | Đơn vị | Số lượng/lứa | Nguồn cung cấp |
| 1 | Thuốc sát trùng | lít | 800 | Việt Nam |
| 2 | Vôi bột | kg | 800 |
| 3 | NaOH | lít | 400 |
| 4 | Chế phẩm sinh học EM | lít | 1.000 |
| 5 | PAC (xử lý nước thải) | kg | 7.125 |
| 6 | Polymer (xử lý nước thải) | kg | 85,5 |
| 7 | Chlorine | kg | 285 |

Công tác tiêu độc sát trùng rất quan trọng, nhằm ngăn ngừa sự lây lan dịch bệnh do mầm bệnh được vận chuyển từ xa đến hay từ dự án lan tỏa đi. Để cắt đứt quá trình này cần chú ý:

- Lối ra vào khu chăn nuôi: Phải áp dụng tiêu độc sát trùng cho người và phương tiện vận chuyển đi qua. Trước cổng ra vào phải có hố sát trùng có mái che, có độ dài tối thiểu bằng chu vi bánh xe ô tô vận tải cỡ lớn nhất, thuốc sát trùng phải được thay mới hằng ngày.

- Phòng thay quần áo bảo hộ lao động: cho công nhân và khách tham quan phải được quét dọn hàng ngày.

- Ở lối đi và khoảng cách của từng dãy trại: phát quang bụi rậm, cách xa trại nuôi tối thiểu 1m.

- Hố sát trùng ở đầu mỗi dãy trại: dùng vôi bột sát trùng

- Ở các ô trại trống:

+ Sau mỗi đợt nuôi để trống trại nuôi ít nhất 2-4 tuần để làm vệ sinh tiêu độc sát trùng trại, gia cố sửa chữa trại nuôi, nền trước khi nuôi mới.

+ Làm sạch sàn, tường, các lối đi xung quanh, rèm che, trần và các thiết bị bên trong bằng nước sạch. Sau đó, dùng dung dịch NaOH 2% hay nước vôi 10-20% để xử lý dãy trại, lối đi, quét tường, sát trùng cống rãnh.

- Số lần tiêu độc sát trùng:

Thực hiện tiêu độc sát trùng định kỳ mỗi tuần/lần đối với từng khu trại nuôi. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

Khi có dịch bệnh xảy ra phải báo ngay cho cơ quan thú y địa phương biết để có biện pháp khống chế và phải thực hiện tiêu độc sát trùng mỗi ngày theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại dự án chủ yếu phục vụ cho các mục đích chiếu sáng trại nuôi, sinh hoạt, hoạt động bơm nước,…Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 10.000 KWh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Để đảm bảo nguồn điện cho trại nuôi, chủ dự án lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng công suất 85 KVA để đề phòng khi mất điện.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu nước sử dụng của dự án, bao gồm:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Qsh = 20 công nhân x 100 lít/người/ngày = 2 m3/ngày (Theo TCXDVN 33:2006).

- Lượng nước tiêu thụ tính theo yêu cầu heo uống và tắm, chế biến thức ăn, rửa nền trại và rửa thiết bị dụng cụ được quy định trong TCVN 3772:1983 đối với heo thịt là 20 lít/1 con trong 1 ngày. Lượng nước sử dụng là 20 lít/ngày.đêm/1 con x 8.200 con = 164 m3/ngày.đêm.

+ Trong đó: Nước dùng cho heo uống: Theo Sổ tay hướng dẫn áp dụng VietGAHP/GMPs Chuỗi sản xuất kinh doanh thịt heo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nước uống cho heo ước tính như sau:

###### *Bảng 1.4: Nhu cầu nước cấp cho heo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Loại heo | Lít/con |
| 1 | Heo 25 kg | 3 – 5 |
| 2 | Heo 45 kg | 5 – 7 |
| 3 | Heo 65 kg | 7 – 9 |
| 4 | Heo 90 kg | 9 - 12 |
|  | Trung bình | 7 |

Vậy lượng nước uống cung cấp cho heo choai đến xuất trại ước tính: 7 x 8.200 con = 57,4 m3/ngày.đêm.

+ Nước dùng cho vệ sinh trại nuôi và dụng cụ, tắm heo là 164m3/ngày.đêm – 57,4 m3/ngày.đêm = 106,6 m3/ngày.đêm.

- Nước làm mát dãy trại: Khoảng 3m3/ngày.đêm.

- Nước phun sát trùng xe: Nước sát trùng xe được giữ ở nền nhà sát trùng và thay 1 lần/tuần. Lượng nước sát trùng khoảng 5m3/tuần = 0,7 m3/ngày.đêm.

- Nước sát trùng người: Nước sát trùng người được pha trong bồn nhựa, thông qua hệ thống phun sương để sát trùng cho khách và công nhân ra vào trang trại. Do đặc điểm phun sương nên lượng nước này rất ít, ước tính khoảng 5lit/ngày.đêm. Lượng nước này được dẫn chung với nước tắm của công nhân sau sát trùng ra hệ thống thoát nước và thu gom về hệ thống xử lý tập trung.

- Nước sát trùng trại định kỳ: Nước phun sát trùng trại định kỳ được pha trong bồn nhựa và được phun xung quanh dãy trại. Lượng nước sát trùng khoảng 3m3/tuần ~ 0,4 m3/ngày.đêm.

- Nước tưới cây: ước tính khoảng 03 m3/ngày.

###### *Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình chăn nuôi*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Mục đích sử dụng | Lưu lượng sử dụng (m3/ngày) |
| I | Nước sinh hoạt cho công nhân | 2 |
| II | Nước phục vụ chăn nuôi | 168,105 |
| 1 | Nước uống cho heo | 57,4 |
| 2 | Nước tắm rửa cho heo, vệ sinh trại nuôi | 106,6 |
| 3 | Nước làm mát trại nuôi | 3 |
| 4 | Nước phun sát trùng xe | 0,7 |
| 5 | Nước sát trùng người | 0,005 |
| 6 | Nước sát trùng trại định kỳ | 0,4 |
| III | Nước tưới cây | 3 |
|  | Tổng cộng | 173,105 |

Nguồn cung cấp nước cho dự án là nguồn nước dưới đất gồm 02 giếng khoan sâu khoảng 50m, công suất 87m3/ngày.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Vị trí địa lý của dự án

“Trang trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” được bố trí trên các thửa đất:

+ Thửa 1: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05364, số thửa: 161, tờ bản đồ số: 74, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018 thuộc quyền quản lý của Bà. Nguyễn Thúy Oanh với tổng diện tích 30.288,3m2 (mục đích sử dụng đất: đất nông nghiệp khác).

+ Thửa 2: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05365, số thửa: 160; tờ bản đồ số: 74, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018 thuộc quyền quản lý của Bà. Nguyễn Thúy Oanh với tổng diện tích 18.694,1m2 (mục đích sử dụng đất: đất nông nghiệp khác).

###### *Bảng 1.6: Hệ tọa tộ VN 2000 ranh giới dự án*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Mốc | X | Y |
| A | 1244619 | 642089 |
| B | 1244648 | 642090 |
| C | 1240650 | 642217 |
| D | 1244649 | 642070 |

Khu đất xây dựng dự án có vị trí tiếp giáp như sau:

* + Phía Đông: giáp đất trồng cao su của Bà. Lê Thị Tươi
  + Phía Tây: giáp đất trồng cao su của Ông. Phạm Văn Có.
  + Phía Nam: giáp đất trồng cao su của Ông. Nguyễn Thanh Tùng.
  + Phía Bắc: giáp nhánh nhỏ của Suối Dầm.

TP. Tây Ninh

Chợ Tân ChâuU

ĐT 795

ĐT 795

ĐT 785

UBND Xã Tân Đông

1 km

14 km

2 km

Trường THPT Tân Đông

DỰ ÁN

300m

Hình 1.2: Sơ đồ đi đến dự án

* *Các hạng mục công trình*

Tổng diện tích khu đất là 48.982,4m2, các hạng mục công trình được thể hiện ở bảng sau:

###### *Bảng 1.7: Các hạng mục công trình*

| Stt | Hạng mục công trình | Số lượng | Kích thước (m) | Diện tích (m2) | Tỷ lệ (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | CÁC HẠNG MỤC CHÍNH | | | | |
| 01 | Trại nuôi + kho cám | 02 | (18 x 69) + (6 x 14) | 2.652,0 | 5,41 |
| 02 | Trại nuôi + kho cám | 06 | (18 x 90) + (6 x 14) | 10.224,0 | 20,87 |
| 03 | Chuồng nuôi cách ly | 01 | 18 x 30 | 540,0 | 1,1 |
| II | CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ | | | | |
| 04 | Nhà điều hành | 01 | 7,4 x 24 | 177,6 | 0,36 |
| 05 | Nhà nghỉ trưa | 02 | (7,6 x 16) + (7,6 x 14) | 212,8 | 0,43 |
| 06 | Kho dụng cụ | 01 | 4 x 7,4 | 29,6 | 0,06 |
| 07 | Nhà sát trùng xe | 01 | 5 x 12 | 60,0 | 0,12 |
| 08 | Nhà sát trùng người | 01 | 4 x 6 | 24,0 | 0,05 |
| 09 | Trạm điện, nhà đặt máy phát điện | 01 | 6 x 6 | 36,0 | 0,07 |
| III | CÁC HẠNG MỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | | | | |
| 10 | Kho chứa chất thải nguy hại | 01 | 4 x 5 | 20,0 | 0,04 |
| 11 | Kho chứa chất thải thông thường | 01 | 4 x 5 | 20,0 | 0,04 |
| 12 | Khu xử lý nước thải | 01 | - | 228,89 | 0,47 |
| 13 | Bể tự hoại | 01 | 2 x 3 | 6,0 | 0,01 |
| 14 | Biogas 1 | 01 | 16 x 81 | 1.296,0 | 2,65 |
| 15 | Biogas 2 | 01 | 16 x 50 | 800,0 | 1,63 |
| 16 | Ao sinh học | 01 | 14 x 25 | 350,0 | 0,17 |
| 17 | Hầm sự cố | 01 | 70 x 70 | 4.900 | 10,0 |
| 18 | Hố chôn heo chết không do dịch bệnh | 01 | 3 x 7 | 21,0 | 0,04 |
| 19 | Kho chứa phân | 01 | 10 x 15 | 150,0 | 0,31 |
| 20 | Hầm lắng phân kết hợp ép phân | 02 | 2 x 4 | 16,0 | 0,03 |
|  | Đường nội bộ, sân bãi | - |  | 12.024,0 | 24,55 |
|  | Cây xanh | - | - | 15.194,51 | 31,02 |
|  | Tổng |  |  | 48.982,4 | 100 |

* ***Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án***

###### *Bảng 1.8. Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên máy móc thiết bị | Số lượng | Tình trạng | Xuất xứ |
| 1 | Máy phát điện dự phòng | 02 | 100% | Nhật |
| 2 | Máng ăn | 100 | 100% | Việt Nam |
| 3 | Quạt hút | 42 | 100% | Việt Nam |
| 4 | Cân | 02 | 100% | Việt Nam |
| 5 | Hệ thống làm mát | 16 | 100% | Việt Nam |
| 6 | Máy bơm nước | 02 | 100% | Việt Nam |
| 7 | Máy nén áp lực | 02 | 100% | Nhật |
| 8 | Máy pha thuốc | 02 | 100% | Nhật |
| 9 | Máy ép phân | 02 | 100% | Việt Nam |

CHƯƠNG II:  SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tu số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Dự án có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Như vậy, Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín là phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh dự án. Và dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

* ***Đối với bụi, khí thải***

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông*

Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi

Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.

Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO2, CO2, hợp chất chứa nito, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,…

*- Mùi từ hoạt động chăn nuôi*

Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại.

Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại nuôi thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại nuôi 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

Trại nuôi được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

Trồng cây xanh xung quanh trại nuôi nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.

Để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường, định kỳ Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ báo cáo công tác bảo vệ môi trường, kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn cho phép, do đó khả năng chịu tải khí thải của trại nuôi phù hợp với môi trường.

*- Khí thải, mùi hôi phát sinh từ HTXLNT, kho chứa phân*

Hàng ngày phun xịt chế phẩm sinh học EM xung quanh khu vực HTXLNT, kho chứa phân để khử mùi hôi và diệt ruồi nhặng. Cách phun chế phẩm EM: pha 1 lít E.M với 100 lít nước phun cho 200 m2.

Trong kho chứa, phân được thu gom xuất bán liên tục, không để tồn đọng.

Đảm bảo công tác vệ sinh, thông cống rãnh để tránh hiện tượng cống thoát nước bị nghẹt gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt những ngày mưa lớn.

Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng các thiết bị theo quy định, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý, duy trì tình trạng hoạt động ổn định và kéo dài tuổi thọ của thiết bị.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng.*

Máy phát điện của trại chăn nuôi chỉ để dự phòng trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia xảy ra sự cố, hoặc cắt điện định kỳ nên nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

* ***Đối với nước thải***

**-** *Nước mưa***:** Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải. Mái nhà, trại nuôi heo được bố trí nghiêng, nước mưa phát sinh từ mái nhà, trại nuôi chảy xuống đất rồi thoát ra nhánh nhỏ của suối Dầm gần dự án.

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn qua hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án.

*- Nước thải chăn nuôi:* Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trại được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày để xử lý nước thải đạt QCVN 62*-* MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi,sau đó mới thải ra nguồn tiếp nhận là nhánh nhỏ của suối Dầm.

Để đánh giá khả năng chịu tải của nước thải đối với môi trường, định kỳ Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ báo cáo công tác bảo vệ môi trường, kết quả quan trắc nước thải đạt quy chuẩn cho phép, do đó khả năng chịu tải nước thải của trại nuôi phù hợp với môi trường.

* ***Đối với chất thải rắn***

*- Chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt phát sinh tại trang trại khoảng 6 kg/ngày được thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

### *- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh từ hoạt động của trại chăn nuôi bao gồm: phân heo sau mỗi lần vệ sinh khoảng 10.004kg/ngày đêm, heo chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh) khoảng 24 con, bao bì đựng thức ăn khoảng 157kg/tháng. Phân sau khi ép được thu gom, lưu trữ trong kho chứa phân, sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu. Heo chết do giẫm đạp sẽ được chôn lấp đúng quy định theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

*- Chất thải rắn nguy hại:* Chất thải nguy hại được chủ cơ sở thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 20m2*. Công* ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Chủ dự án đã ký hợp đồng kinh tế số 3992/HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Oanh và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM ngày 10/06/2022.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường nước xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải. Mái nhà, trại nuôi heo được bố trí nghiêng, nước mưa phát sinh từ mái nhà, trại nuôi chảy xuống đất rồi thoát ra nhánh nhỏ của suối Dầm gần dự án.

**1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

*Đối với nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn qua hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án.

*Đối với nước thải chăn nuôi*

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trại được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Chủ dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày để xử lý nước thải đạt QCVN 62*-* MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi,sau đó mới thải ra nguồn tiếp nhận là nhánh suối Dầm.

**1.3. Xử lý nước thải:**

* ***Nước thải sinh hoạt***

Tổng lượng nước thải sinh hoạt trung bình 2,0 m3/ngày. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được đưa tới hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

Nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Bể tự hoại 03 ngăn có các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD5 là 60-65%. Cặn lắng được lưu trong bể từ 3-6 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành khí và các chất vô cơ hòa tan, khí này sẽ thoát ra ngoài bằng lỗ thông hơi. Bùn cặn lên men được hút từ 1-3 năm từ khi bể hoạt động (bể đầy). Tại thời điểm hút, phần bùn cặn chưa lên men nằm phía trên vì vậy ống hút của máy bơm phải đặt sâu xuống đáybể. Thông thường khi hút phải để lại khoảng 20% lượng bùn cặn để gây men cho bùn cặn tươi đợt sau. Nước thải được đưa qua hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

* ***Nước thải chăn nuôi***

Chủ dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày để xử lý nước thải đạt QCVN 62*-* MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi*.*

Nước tách bùn

Bùn dư

*Máy sục khí*

Nước thải sau bể Biogas

Hố thu

Bể điều hòa

Bể aerotank

Bể lắng sinh học

Bể keo tụ

Bể tạo bông

Bể lắng hóa lý

Bể khử trùng

Sân phơi bùn

*Nước thải sau xử lý đạt*

*QCVN 62:2011/BTNMT, CộtA*

*Polymer*

*PAC*

*Chlorine*

Bùn tuần hòan

GHI CHÚ:

ĐƯỜNG NUỚC

ĐƯỜNG BÙN

ĐƯỜNG KHÍ

Bể Anoxic

*Máy sục khí*

HÓA CHẤT

Hình 3.1: Quy trình hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình:

Nước thải vệ sinh trại theo mương thu gom về hầm lắng phân, sau đó chảy về bể biogas, và tiếp tục qua các bể xử lý sinh học.

Bể Biogas: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trại sẽ theo đường ống dẫn vào bể Biogas để xử lý yếm khí. Tại bể Biogas nhờ quá trình phân hủy kỵ khí bởi các chủng vi sinh vật kỵ khí phân hủy các hợp chất hữu cơ tạo ra là hỗn hợp khí Biogas bao gồm thành phần chính là khí CH4, CO2, H2S, N2, H2,… Trong đó, thành phần khí CH4 chiếm từ 50 – 70%.

Hố thu*:* Nước thải từ dự án sau khi qua bể Biogas sẽ theo đường ống 140 chảy về bể thu gom.

Bể điều hòa: Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý khí bị quá tải. Đồng thời, không khí cũng liên tục được sục vào để giúp cho cặn không bị lắng xuống đáy bể.

Nước thải từ bể điều hòa bơm qua bể sinh học thiếu khí anoxic.

Bể sinh học thiếu khí (anoxic): Bể sinh học này có nhiệm vụ khử nitơ. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng do tác động của dòng chảy. Nước thải sau khi qua bể anoxic sẽ tự chảy sang bể sinh học hiếu khí để tiếp tục được xử lý.

Bể sinh học hiếu khí:Tại bể Aeroten máy thổi khí cung cấp oxy không khí cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ thành CO2, H2O, các sản phẩm vô cơ và tế bào sinh vật mới. Cơ chế của quá trình oxi hoá sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

\* Oxy hoá các hợp chất hữu cơ không chứa nitơ (gluxit, hyđroccacbon, pectin, các hợp chất hữu cơ phân tử lượng nhỏ khác... )

CxHyOz + (x + y/4 - z/2) O2 xCO2 + y/2 H2O

\* Oxy hoá các chất hữu cơ có chứa nitơ (protêin, peptit, axitamin, các hợp chất hữu cơ chứa nitơ phi protêin...)

CxHyOzN + ( x+ y/4 -z/2 + 3/4 ) O2 xCO2­ + (y-3)/2 H2O + NH3

\* Quá trình oxy hoá kèm theo sự tạo thành sinh khối vi sinh vật

CxHyOz + ( x+y/4-z/2-5) O2+ NH3 C5H7NO2 + (x-5)CO2 + (y-4)/2 H2O

CxHyOzN +( x+y/4 -z/2 -23/6) O2 C5H7NO2 + (x-5)CO2 +(y-7)/2 H2O

*Trong đó:*

CxHyOz : biểu thị các chất hữu cơ không chứa nitơ

CxHyOzN : biểu thị các chất hữu cơ có chứa nitơ

C5H7NO2 : là công thức biểu thị thành phần cơ bản của tế bào vi khuẩn.

\* Quá trình tự huỷ (quá trình oxy hoá sinh khối):

C5H7NO2 + 5O2  5CO2 + NH3 +2H2O + E

NH4+ NO3-

Ứng dụng quá trình sinh trưởng của vi sinh vật lơ lửng hiếu khí (bao gồm vi khuẩn hiếu khí, vi khuẩn hiếu khí tuỳ tiện, nấm, tảo, động vật nguyên sinh) – dưới tác động của oxy được cung cấp từ không khí qua các máy thổi khí – sẽ giúp cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ, chuyển hóa chúng thành CO2, H2O, các sản phẩm vô cơ khác và các tế bào sinh vật mới.

Bể lắng: lắng các bông bùn vi sinh từ quá trình sinh học và tách các bông bùn này ra khỏi nước thải.

Nước thải từ bể sinh học hiếu khí được dẫn vào ống phân phối nhằm phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang ở đáy bể. Ống phân phối được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống và đi lên với tốc độ chậm nhất (tronmg trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặng hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ COD, BOD giảm 80 – 90% (hiệu quả lắng đạt 75 – 90%). Bùn dư lắng ở đáy bể lắng được cầu gạt bùn tập trung về giữa đáy bể và được dẫn qua bể thu bùn sinh học rồi được bơm bổ sung về bể sinh học thiếu khí.

Bể keo tụ: Nước thải từ bể lắng tự chảy qua bể keo tụ đồng thời, hóa chất keo tụ cũng được bơm định lượng châm vào bể. Tại bể, motor cánh khuấy quay với tốc độ vừa phải nhằm tạo ra dòng chảy xoáy rối khuấy trộn hoàn toàn hóa chất với dòng nước thải để cho qua trình phản ứng xảy ra nhanh hơn. Sau đó, nước thải sẽ tiếp tục tự chảy qua bể tạo bông (Đồng thời hóa chất trợ keo tụ cũng được bơm định lượng châm vào bể).

Bể tạo bông: Nhờ cánh khuấy khuấy trộn chậm hóa chất tạo bông với dòng nước thải. Motor khuấy giúp cho trình hòa trộn giữa hóa chất với nước thải được hoàn toàn nhưng không phá vỡ sự kết dính giữa các bông cặn. Nhờ có chất trợ keo tụ mà các bông cặn hình thành kết dính với nhau tạo thành những bông cặn lớn hôm có tỉ trọng của nước nhiều lần nên rất dễ lắng xuống đáy bể và tách ra khỏi dòng nước thải. Nước thải từ bể tạo bông tiếp tục tự chảy qua bể lắng hóa lý.

Bể lắng hóa lý: Nước thải từ bể tạo bông được dẫn vào ống phân phối nhằm phân phối đều trên toàn bộ diện tích ngang ở đáy bể. Ống phân phối được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống và đi lên với tốc độ chậm nhất (trong trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng. Hàm lượng cặn (SS) trong nước thải ra khỏi thiết bị lắng giảm 58 – 95%. Bùn dư lắng ở đáy bể lắng được cầu gạt bùn tập trung về giữa đáy bể và được dẫn qua bể thu bùn hóa lý rồi được bơm bổ sung về bể sinh học thiếu khí.

Bể khử trùng: Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 105 - 106 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Khi cho Chlorine vào nước, dưới tác dụng chảy rối do cấu tạo vách ngăn của bể và hóa chất Chlorine có tính oxi hóa mạnh sẽ khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật và gây phản ứng với men bên trong của tế bào vi sinh vật làm phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau khi khử trùng đạt quy chuẩn nguồn xả: QCVN 62*-* MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôisau đó mới thải ra nguồn tiếp nhận là nhánh suối Dầm.

* *Mô tả các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Hạng mục | Thông số kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị |
| 1 | Bể biogas | - Kích thước biogas 1 : L x B x H= 50m x 16m x 4m  - V1 = 3.200 m3  - Kích thước biogas 2 : L x W = 81m x 16m  - V2 = 5.184 m3  -Vật liệu: Lót bạt chống thấm HDPE | 02 | Bể |
| 2 | Hố thu gom | Kích thước: L x B x H = 2,1m x 1,8m x 1,7 m  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Hố |
| 3 | Bể điều hòa | - Kích thước: L x B x H = 5,0 m x 7,4m x 4m  - V = 148 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 4 | Bể sinh học thiếu khí | - Kích thước: L x B x H = 3,0 m x 7,4m x 4m  - V = 88,8 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 5 | Bể sinh học hiếu khí | - Kích thước: L x B x H = 6,2 m x 7,4m x 4m  - V = 183,52 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 6 | Bể lắng sinh học | - Kích thước: L x B x H = 3,7 m x 3,7m x 4m  - V = 54,76 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 7 | Bể keo tụ | - Kích thước: L x B x H = 1,7 m x 1,7m x 2,5m  - V = 7,225 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 8 | Bể tạo bông | - Kích thước: L x B x H = 2,4 m x 1,7m x 2,5m  - V = 10,2 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 9 | Bể lắng hóa lý | - Kích thước: L x B x H = 3,7 m x 3,450m x 4m  - V = 51,06 m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 10 | Bể khử trùng | - Kích thước: L x B x H = 2,8 m x 1,7m x 2,5 m  - V = 11,9m3  -Vật liệu: đáy Bê tông cốt thép | 01 | Bể |
| 11 | Hồ sự cố | - Kích thước: L x B = 70m x 70m  -Vật liệu: Lót bạt chống thấm HDPE | 01 | Hồ |
| 12 | Nhà điều hành | - Kích thước: L x B = 5,0m x 4,0m  - Vật liệu: tường gạch, mái tole | 01 | Nhà |

* Thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải

| Stt | Tên thiết bị | Thông số kỹ thuật | Số lượng | Nguyên tắc hoạt động |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bơm hố thu | - Công suất: 1Hp/1pha/220v/50Hz  - Ký hiệu:WP – 01/02 | 2 Cái | - Hoạt động luân phiên liên tục, một chạy ,một dự phòng, chạy theo phao P1 |
|  | Bơm nước thải điều hòa | - Công suất: 1Hp/1pha/220v/50Hz  - Ký hiệu: WP – 03/04 | 2 Cái | - Hoạt động luân phiên liên tục, một chạy ,một dự phòng, chạy theo phao P2 |
|  | Máy khuấy chìm | - Công suất: 1Hp/1pha/220v/50Hz  - Ký hiệu: MX – 01/02 | 2 Cái | - Hoạt động luân phiên liên tục, một chạy ,một dự phòng. 2 giờ đổi máy chạy. |
|  | Máy thổi khí | - Lưu lượng: 7.3 m3/min  - Cột áp: 4.5 m  - Ký hiệu: AB – 01/02 | 2 Cái | - Hoạt động luân phiên liên tục, một chạy ,một dự phòng. 2 giờ đổi máy chạy. |
|  | Bơm bùn sinh học | - Kiểu bơm: bơm chìm cánh hở  - Điện áp: 1Hp/1 pha/220v/50Hz  - Lưu lượng: Q=15 -20 m3/h; H=9m  - Ký hiêu: SP – 01/02 | 2 Cái | - Hoạt động luân phiên liên tục, một chạy ,một dự phòng. 2 giờ đổi máy chạy. |
|  | Máy khuấy hóa chất | - Công suất: 1Hp, 1 pha/220v/50Hz, tỉ số truyền 1/50  - Ký hiệu: MK – 01/02 | 2 Cái | - Hoạt động liên tục, 2 máy cùng chạy theo phao P2. |
|  | Bơm bùn hóa lý | - Kiểu bơm: bơm chìm cánh hở  - Điện áp: 1Hp/1 pha/220v/50Hz  - Lưu lượng: Q=15 -20 m3/h; H=9m  - Ký hiệu: SP 03 | 1 cái | - Hoạt động không liên tục, 1 giờ chạy 3 phút |

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi

Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

Phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án xây dựng buồng thu gom xử lý mùi gồm tường che chắn bao quanh khu vực quạt hút, bên trên là hệ thống vòi phun sương, bên dưới là rãnh thu gom chế phẩm sinh học EM tuần hoàn về bể chứa. Quạt hút đẩy không khí có ô nhiễm mùi từ trong trại nuôi ra gặp tường chắn sẽ đẩy không khí lên trên gặp chế phẩm sinh học EM khử mùi phun từ trên xuống để xử lý. Sau đó không khí sạch sau xử lý thoát ra phía trên buồng thu gom.

Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

Sau mỗi đợt thu hoạch heo, chủ dự án tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.

Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

Trồng cây xanh xung quanh trại nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

*a, Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển*

Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi

Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.

Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO2, CO2, hợp chất chứa nito, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,…

*b, Biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi hôi phát sinh từ HTXLNT, kho chứa phân*

Hàng ngày phun xịt chế phẩm sinh học EM xung quanh khu vực HTXLNT, kho chứa phân để khử mùi hôi và diệt ruồi nhặng. Cách phun chế phẩm EM: pha 1 lít E.M với 100 lít nước phun cho 200 m2.

Trong kho chứa, phân được thu gom xuất bán liên tục, không để tồn đọng.

Đảm bảo công tác vệ sinh, thông cống rãnh để tránh hiện tượng cống thoát nước bị nghẹt gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt những ngày mưa lớn.

Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng các thiết bị theo quy định, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý, duy trì tình trạng hoạt động ổn định và kéo dài tuổi thọ của thiết bị.

*c, Giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng.*

Máy phát điện của trại chăn nuôi chỉ để dự phòng trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia xảy ra sự cố, hoặc cắt điện định kỳ nên nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

* *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 6kg/ngày

* + *Hình thức lưu trữ:* Lượng rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom và chứa trong những thùng bằng nhựa có nắp đậy được đặt đúng nơi quy định.
  + *Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần
  + *Biện pháp xử lý:* Dự án sẽ ký hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác thải.
* *Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi*

Chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh từ hoạt động của trại chăn nuôi bao gồm: phân heo sau mỗi lần vệ sinh, heo chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh), bao bì đựng thức ăn.

Phân heo: Lượng phân heo thải ra trong quá trình chăn nuôi ước tính khoảng 10.004kg/ngày đêm. Phân heo được thu gom, tâp trung hàng ngày cùng với nước thải về 02 hố lắng phân. Tại mỗi hố lắng phân có bố trí 01 máy ép phân để ép phân heo trước khi đóng bao lưu trữ. 95% lượng phân heo được máy ép hút lên ép loại bỏ nước, 5% phân heo nước thải về bể biogas để xử lý. Máy ép phân công suất 10-15 m3/h, hút phân heo lỏng và tách nước ra khỏi phân. Sau khi tách nước, phân khô có độ ẩm 5-15%, sẵn sàng cho đóng bao và nước trong phân sau khi tách sẽ thu gom về bể biogas để xử lý.

- Hình thức lưu trữ: Phân sau khi ép loại nước được thu gom và lưu trữ tạm thời trong kho chứa phân có diện tích 150m2. Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học EM ở kho chứa phân để khử mùi hôi.

- Tần suất thu gom: 01 ngày/lần

- Tần suất chuyển giao: 01 tuần/lần.

- Biện pháp xử lý: chủ dự án ký hợp đồng bán cho đơn vị có nhu cầu sản xuất phân bón hữu cơ.

### Bao bì đựng thức ăn: phát sinh khoảng 157kg/tháng, được công nhân thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn.

- Hình thức lưu trữ: thu gom và lưu trữ tạm thời trong kho

- Tần suất thu gom, chuyển giao: 01 tháng/lần

- Biện pháp xử lý: chủ dự án bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn

Heo chết do giẫm đạp (không phải do bệnh tật)

### Số lượng heo chết trong chăm sóc không do dịch bệnh (do giẫm đạp): ước tính khoảng 24 con.

Chủ dự án sẽ thực hiện chôn lấp đúng quy định theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Hố chôn lấp được xây dựng bằng bê tông có kích thước 7x3x3,5m và có nắp đậy. Tại đáy hầm chứa lắp ống dẫn nước rỉ ra từ sự phân hủy xác về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Vị trí hố chôn đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, ở cuối khu nuôi và cuối hướng gió chính, không ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông.

Khi phát sinh heo chết không phải do bệnh tật, xác heo được đưa xuống hầm chứa, rắc vôi bột khử trùng (0,8-1,0 kg/m2) và đậy nắp bê tông kín miệng hầm. Phía ngoài khu vực hầm chứa, cách khoảng 1m, tạo rãnh rộng 20cm, sâu 20cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm chứa. Trên bề mặt khu vực hầm chứa, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m2. Khu vực hầm chứa được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần.

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

*- Chất thải rắn nguy hại:* Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 162kg/năm, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thành phần | Trạng thái tồn tại | Số lượng (kg/năm) | Mã CTNH |
|  | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại | Rắn | 40 | 14 02 02 |
|  | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 20 | 13 02 01 |
|  | Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại | Rắn | 30 | 13 02 02 |
|  | Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 10 | 18 02 01 |
|  | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 2 | 16 01 06 |
|  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 20 | 17 02 03 |
|  | Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì, chai lọ vaccine) | Rắn | 40 | 18 01 03 |
|  | Heo chết do dịch bệnh | Rắn | Không xác định | 14 02 01 |
| Tổng số lượng | |  | 162 |  |

*- Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 20m2, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

+ Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH

+ Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra

- Tần suất thu gom: 01 ngày/lần

- Tần suất chuyển giao: 06 tháng/lần

- Biện pháp xử lý:

+ Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc xin; ống kim tiêm heo... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

+ Các loại chất thải nguy hại khác: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án đã ký hợp đồng kinh tế số 3992/HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Oanh và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM ngày 10/06/2022.

+ Đối với heo chết do dịch bệnh: Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thú y địa phương để tìm ra nguyên nhân gây chết và phòng tránh các bệnh dịch lây lan khác. Sau đó, tiến hành chôn lấp dưới sự chỉ đạo của cơ quan thú y. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.

* Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

+ Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.

+ Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.

+ Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

+ Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ

+ Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại

+ Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút ẩm.

* Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện

+ Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao

+ Nền để máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.

+ Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

* Đối với ô nhiễm tiếng ồn do heo kêu

Quá trình cho heo ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho heo được cung cấp đầy đủ, heo nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.

6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.1.2. Đối với bể tự hoại, bể biogas, HTXLNT

* + - *Đối với bể tự hoại*: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của bể tự hoại, làm sạch, thông tắc đường ống.
    - *Đối với hệ thống biogas:*

Cách khắc phục đối với hầm không có khí hoặc có khí nhưng không đủ dùng: Phải chờ thêm thời gian để phân hủy tiếp; cấy thêm vi khuẩn; đun nóng nguyên liệu để nạp; kiểm tra hệ thống rò rỉ ở thiết bị phân hủy và đường ống.

Đối với việc thừa khí sử dụng cần phải giảm bớt lượng nạp bổ sung thường xuyên; sử dụng thêm bình giữ khí và mở rộng phạm vi sử dụng khí

Khí có mùi khó chịu do có quá nhiều khí H2S thì lắp thêm bộ lọc khí

Khi không có khí sinh ra nữa do quá trình lên men bị nhiễm độc cách khắc phục tốt nhất là nạo vét hầm khí, dọn rửa sạch rồi tiếp tục nạp lại nguyên liệu từ đầu…

* + - *Đối với sự cố hệ thống*

Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị

Công nhân viên được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Dự án thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải.

6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện

Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC

Trang bị thiết bị PCCC

Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc

Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng

Không vứt tàn thuốc bừa bãi.

6.3. Phòng ngừa dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

* **Yêu cầu về sát trùng**

Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Cổng ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.

Có hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

* **Vệ sinh phòng bệnh**

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn heo như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,… được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho heo sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ heo bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển heo ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả heo đợt mới để nuôi tiếp.

* **Vệ sinh nguồn nước**: Nguồn nước dùng nuôi heo đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh. Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm**.**
* **Vệ sinh thức ăn**

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

* **Vệ sinh nhân lực**

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang heo hoặc từ heo sang người. Vì vậy, định kì khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn heo. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực dự án để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,…

* **Vệ sinh dụng cụ, trang bị**

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,… định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

* **Phát hiện bệnh sớm**

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn heo trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể heo bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly heo bệnh: khi heo bệnh có biện pháp cách ly heo khỏe mạnh với heo bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại heo bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Heo xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

* **Điều trị bệnh sớm**

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

* **Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro**

Khi phát hiện heo có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ dự án sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan thú y quản lý ở địa phương hoặc công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

Không đưa heo có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con heo ra khỏi trại chăn nuôi

Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

Cách ly heo bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con heo còn lại.

Khi heo bị chết hàng loạt, chủ dự án bao ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: (Không có)

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi .

9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục phồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên công trình BVMT | Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM 2020 | Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện |
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải | Công suất: 150 m3/ngày.đêm  Quy trình: Nước thải => thu gom => Biogas => Bể điều hòa 1 => Bể nâng pH => Bể điều hòa 2=> Bể Anoxic => Bể Aerotank => Bể lắng sinh học => Cụm bể hóa lý => Bể lắng hóa lý => Bể chứa => Bể khử trùng => Đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT | Công suất: 190 m3/ngày.đêm  Quy trình: Nước thải sau Biogas => hố thu => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể Aerotank => Bể lắng sinh học => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể khử trùng => Đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT |

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

*- Nguồn phát sinh nước thải:*

+ Nguồn số 01: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt 2,0 m3/ngày.đêm

+Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trại nuôi 106,6m3/ngày.đêm

*- Lưu lượng xả nước thải tối đa*: 190 m3/ngày.đêm

*- Dòng nước thải*: Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT mới thải ra nguồn tiếp nhận.

*- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:*

###### *Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các chất ô nhiễm | Đơn vị | QCVN 62-MT:2016/BTNMT |
| Cột A |
| 1 | pH | - | 6-9 |
| 2 | BOD5 ( 20oC) | mg/l | 40 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 50 |
| 4 | COD | mg/l | 100 |
| 5 | Tổng N | mg/l | 50 |
| 6 | Tổng Coliform | mg/l | 3.000 |

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

+ Vị trí xả nước thải: tại đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án, tọa độ (X= 1290215 ; Y= 580528)

+ Phương thức xả thải: tự chảy

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC Φ = 114mm, đặt ngầm cách mặt đất khoảng 0,5m, dài khoảng 20m, chảy ra nhánh nhỏ của suối Dầm giáp ranh đất dự án thuộc ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

*- Nguồn phát sinh khí thải*: mùi phát sinh sau hệ thống quạt hút, chủ yếu là khí NH3, H2S.

*- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất*: Do khí thải (mùi sau hệ thống quạt hút) thoát tự nhiên ra ngoài môi trường nên áp dụng hệ số Kp thấp nhất, tương đương với lưu lượng xả thải ≤20.000 m3/giờ

- *Dòng khí thải*: 01 dòng khí thải sau buồng thu gom xử lý mùi đạt QCVN 06:2009/BTNMT thoát ra phía trên buồng thu gom ra ngoài môi trường.

*- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:*

###### *Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm nước thải và giới trị giới hạn*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các chất ô nhiễm | Đơn vị | QCVN 06:2009/BTNMT |
| 1 | NH3 | µg/m3 | 200 |
| 2 | H2S | µg/m3 | 42 |

*- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận khí thải*

+ Vị trí xả thải: tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi.

+ Phương thức xả khí thải: Phát tán tự nhiên theo hướng từ dưới lên trên, thoát ra môi trường không khí xung quanh.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*- Nguồn phát sinh tiếng ồn*: Tiếng ồn của heo tại các dãy trại, từ các phương tiện vận chuyển ra vào trại chăn nuôi, từ máy phát điện dự phòng.

*- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:*

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

###### *Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn*

| STT | Tên thông số ô nhiễm | Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường) |
| --- | --- | --- |
| 1 | Từ 6 giờ đến 21 giờ | 70 |
| 2 | Từ 21 giờ đến 6giờ | 55 |

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 20m2, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án đã ký hợp đồng kinh tế số 3992/HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Oanh và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM ngày 10/06/2022.

Chính vì vậy, dự án không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không xin cấp phép đối với phần này.

5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT: (Không có)

CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Hạng mục dự kiến vận hành thử nghiệm gồm: hệ thống xử lý nước thải

Theo quy định tại Khoản a Mục 6 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày  
10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, thời gian dự  
kiến vận hành thử nghiệm các hạng mục trên là 3-6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy  
phép môi trường. Trong thời gian vận hành thử nghiệm, dự án sẽ vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày.đêm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Trong thời gian vận hành thử nghiệm, dự án sẽ lấy mẫu nước thải để phân tích đánh giá hiệu quả xử lý của: hệ thống xử lý nước thải. Việc đo đạc,  
lấy mẫu nước thải sẽ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2,  
Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Cụ thể như sau:

1.2.1. Thời gian và số lần lấy mẫu

a. Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc là 15 ngày/lần.(đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra)

+ Lần 1: lấy mẫu trong 15 ngày kể từ khi bắt đầu VHTN

+ Lần 2: lấy mẫu trong thời gian từ ngày 16 đến ngày 30 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 3: lấy mẫu trong thời gian từ ngày 31 đến ngày 45 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 4: lấy mẫu trong thời gian từ ngày 46 đến ngày 60 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 5: lấy mẫu trong thời gian từ ngày 61 đến ngày 75 kể từ khi bắt đầu VHTN.

b. Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử  
lý nước thải tập trung: 7 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả. Tần suất  
quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 1 mẫu đơn đầu vào và 7 mẫu đơn đầu  
ra):

+ Lần 6: lấy mẫu từ ngày thứ 80 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 7: lấy mẫu từ ngày thứ 81 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 8: lấy mẫu từ ngày thứ 82 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 9: lấy mẫu từ ngày thứ 83 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 10: lấy mẫu từ ngày thứ 84 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 11: lấy mẫu từ ngày thứ 85 kể từ khi bắt đầu VHTN;

+ Lần 12: lấy mẫu từ ngày thứ 85 kể từ khi bắt đầu VHTN;

1.2.2. Chương trình quan trắc nước thải

Căn cứ quyết định số 1762/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14/8/2020, về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi heo thịt mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thuộc chủ đầu tư Hộ chăn nuôi Nguyễn Thúy Oanh. Kế hoạch quan trắc nước thải trong thời gian vận hành thử nghiệm được trình bày cụ thể tại bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí giám sát | Thông số giám sát | Quy chuẩn so sánh |
| Nước thải  + Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 5 mẫu tổ hợp đầu vào và 5 mẫu tổ hợp đầu ra  + Giai đoạn vận hành ổn định: 1 mẫu đơn đầu vào và 7 mẫu đơn đầu ra | | | |
| 1 | Nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải | Lưu lượng, pH, TSS, BOD5, COD, Tổng Nitơ, Tổng Coliform | QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A |

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam số VIMCERTS 039.

2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

*- Quan trắc nước thải:*

+ Vị trí: 01 điểm đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 190m3/ngày đêm.

+ Tần suất: 03 tháng/lần

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD5, COD, TSS, tổng Nito, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A

*- Quan trắc khí thải*

+ Vị trí: 02 điểm sau buồng thu gom xử lý mùi

+ Tần suất: 03 tháng/lần

+ Thông số giám sát: NH3, H2S

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 06:2009/BTNMT

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

*Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và các quy định về môi trường có liên quan khác.

3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông số | Vị trí | Tần suất năm/lần | Kinh phí thực hiện (VNĐ) | Tổ chức, quản lý và vận hành |
| I | Thành phần môi trường khí thải | | | | |
| 1 | H2S, NH3 | 02 | 04 | 10.000.000 | Chủ đầu tư |
| II | Thành phần môi trường nước thải | | | | |
| 1 | Lưu lượng, pH, BOD5, COD, TSS, tổng Nito, tổng Coliform. | 01 | 04 | 16.000.000 | Chủ đầu tư |

CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thúy Oanh cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thúy Oanh cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thúy Oanh cam kết hoạt động của dự án tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường như sau:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh

+ QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

+ QCVN 62:2016-MT/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện chương trình giám giát môi trường định kỳ hàng năm đúng với chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong nội dung báo cáo.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.